TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 817/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25/12/2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà A.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà N.
Bà T.

- Thư ký phiên toà: Bà T– Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 7 - Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà N- Kiểm sát viên.

Ngày 25/12/2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 7 - Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 429/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2025, về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Đinh L**, sinh năm 1993; Nơi thường trú: thônT1, xã Phúc Thịnh, thành phố Hà Nội. Căn cước công dân số: 0011930xx, cấp ngày 02/06/2025. *Có mặt*

- Bị đơn: Anh **Lê T**, sinh năm 1986; Nơi thường trú: ThônT1, xã Phúc Thịnh, thành phố Hà Nội. Hiện đang chấp hành án tại trại giam Hồng Ca, Lào Cai. Căn cước công dân số: 00108605xx, cấp ngày 25/7/2021. *Vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Đinh L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Vợ chồng anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nguyên Khê, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội ngày 27/3/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại Đội 11, thônT1, xã Nguyên Khê, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội (nay là thônT1, xã Phúc Thịnh, thành phố Hà Nội).

Vợ chồng chị sống hạnh phúc đến khi sinh con đầu lòng năm 2013 thì xảy ra

cãi vã xô sát, anh T đánh chị, sau đó anh T có hứa sẽ thay đổi, đến khi chị sinh con thứ hai thì vợ chồng lại xảy ra cãi vã, anh T thường xuyên tụ tập đi chơi cùng bạn bè, chị góp ý khuyên bảo thì anh T chửi bới đánh chị, tình trạng này lặp lại nhiều lần, anh T vẫn không thay đổi; anh T còn chơi bời nghiện ma tuý và hiện đang chấp hành án tại trại giam Hồng Ca. Vợ chồng sống ly thân được khoảng hơn 1 năm nay. Đến nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị ly hôn với anh T để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là: Cháu Lê M, sinh ngày 09/01/2013 và cháu Lê T3, sinh ngày 06/03/2015. Ngoài ra, vợ chồng anh chị không có con chung, con riêng hay con nuôi nào khác. Hiện nay, cháu M và cháu T3 đang sống với chị L, cháu M sức khỏe tốt, còn cháu T3 bị bệnh động kinh – chậm phát triển tâm thần vận động. Khi ly hôn, chị L đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công sức và nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề tài sản chung, nợ chung và công sức chung của vợ chồng.

Đối với bị đơn là anh Lê T: Hiện anh T đang chấp hành án tại trại giam Hồng Ca, anh T có đơn xin xử vắng mặt và có lời khai xác định: Anh và chị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nguyên Khê, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội ngày 27/3/2012. Trong quá trình chung sống, vợ chồng đôi khi có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh chơi bời sử dụng ma tuý, chị L có nhắc nhở nhiều lần nhưng anh không từ bỏ. Nay chị L xin ly hôn, anh không đồng ý vì xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và mong muốn chị L cho anh cơ hội để khi anh chấp hành án xong có cơ hội làm lại. Về con chung, anh và chị L có 02 con chung là Lê M, sinh ngày 09/01/2013 và Lê T3, sinh ngày 06/03/2015. Trường hợp Toà án giải quyết ly hôn thì anh đồng ý giao cả hai con cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh đang chấp hành án nên không có điều kiện cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án được thụ lý đúng thẩm quyền; Tòa án đã xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng; Tòa án đã thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Phiên tòa diễn ra công khai, dân chủ, đề cập đến mọi vấn đề phải giải quyết trong vụ án.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt và đã có đơn xin vắng mặt.

Về nội dung: Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết 326/2016 ngày 30/6/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Toà án xét xử :

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đinh L đối với anh Lê T.

- Về con chung: giao cháu Lê M và Lê T3 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh T.

- Về tài sản, công sức, nợ chung: Chị L và anh T không yêu cầu Toà giải quyết.

- Về án phí: Chị Đinh L phải nộp tiền án phí không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đinh L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh Lê T có hộ khẩu thường trú tại: ThônT1, xã Phúc Thịnh, thành phố Hà Nội. Hiện nay anh T đang chấp hành án tại trại giam Hồng Ca, như vậy thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc về Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hà Nội theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị Quyết số: 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các tòa án nhân dân.

Về thủ tục xét xử và tranh tụng tại phiên toà: Ngày 25/12/2025, bị đơn là anh T vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, dành quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung :

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh L và anh Lê T tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nguyên Khê, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội ngày 27/3/2012 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống với nhau tại thônT1, xã Nguyên Khê, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội (nay là thônT1, xã Phúc Thịnh, thành phố Hà

Nội).

Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn do anh T không chăm lo vun vén cho gia đình mà ham chơi, sử dụng cả chất cấm, vợ chồng ngày càng mâu thuẫn, anh T đã được gia đình nhắc nhở nhiều lần nhưng vẫn không thay đổi, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt.

Như vậy, có đủ cơ sở xác định giữa chị L và anh T mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị L và anh T có 02 con chung là: Cháu Lê M, sinh ngày 09/01/2013 và cháu Lê T3, sinh ngày 06/03/2015. Ngoài ra, vợ chồng anh chị không có con chung, con riêng hay con nuôi nào khác. Hiện nay, cháu M và cháu T3 đang sống với chị L, được chăm sóc tốt. Khi ly hôn, chị L đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T có quan điểm đồng ý với việc chị L sẽ nuôi cả hai cháu sau khi ly hôn. Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con chung chưa thành niên nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Đinh L về việc được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung sau khi anh chị ly hôn. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản.

Về vấn đề cấp dưỡng: Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung, hiện anh T đang chấp hành án nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[2.3] Về tài sản chung: Chị L và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề tài sản chung vợ chồng. Do đó, Tòa án không giải quyết.

[2.4] Về án phí ly hôn sơ thẩm, quyền kháng cáo: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Căn cứ Nghị Quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các tòa án nhân dân.

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đinh L với anh Lê T. Chị Đinh L

được ly hôn anh Lê T.

[2] Về con chung: Giao cả hai con chung là cháu Lê M, sinh ngày 09/01/2013 và cháu Lê T3, sinh ngày 06/03/2015 cho chị Đinh L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên, có khả năng tự lập về kinh tế hoặc có quyết định khác của Toà án. Về vấn đề cấp dưỡng sẽ được giải quyết khi có yêu cầu.

Anh Lê T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản của vợ chồng: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đinh L phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm vào ngân sách Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/25E số 001xx ngày 08/10/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, chị Đinh L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày T án, anh Lê T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 7;
- TAND thành phố Hà Nội;
- THADS thành phố Hà Nội;
- UBND xã P, Hà Nội ;
(GCN kết hôn số xx ngày 27/03/2012 của UBND xã Nguyên Khê);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

A